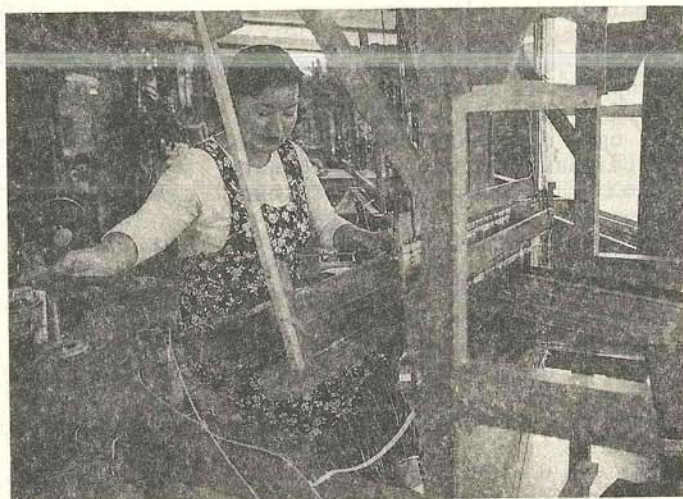


CÓ THỂ TRÔNG CHỜ GÌ Ở SỰ PHỤC HỒI KINH TẾ NHẬT BẢN?

VŨ NGỌC NHUNG



Các nước Đông Á bị khủng hoảng tiền tệ đều trông chờ vào sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản để lôi kéo theo sự hồi phục của mình. Nhưng trông chừng người Nhật tự giải quyết khó khăn kinh tế của mình cũng khó, nói gì tới việc làm đầu tàu lôi kéo cả khu vực Đông Á. Nguyên nhân là do đâu? Muốn giải đáp điều này cần phân tích tình hình kinh tế Nhật Bản. Theo số liệu của IMF, tình hình kinh tế Nhật Bản diễn biến như sau:

Bảng những chỉ số đặc biệt của kinh tế Nhật (1)

Năm	% tăng GDP	Chỉ số giá	Chỉ số giá chứng khoán	Khối tiền lưu thông	Tỷ giá bình quân
1979	105,2%	103,6%	108,3%	103,0%	219,1
1980	104,8%	108,0%	105,4%	98,0%	226,1
1981	104,0%	104,9%	116,3%	110,0%	220,5
1982	103,3%	102,7%	99,6%	105,9%	249,1
1983	103,0%	101,8%	117,9%	99,8%	237,5
1984	116,1%	88,4%	60,0%	106,9%	237,5
1985	104,7%	103,2%	122,1%	103,0%	238,5
1986	102,7%	102,8%	132,9%	104,5%	168,5
1987	104,6%	102,1%	147,8%	109,5%	144,6
1988	105,7%	103,7%	108,9%	103,9%	128,1
1989		103,8%		107,0%	137,9
1990		88,5%		104,0%	144,8
1991	103,8%	103,3%	84,5%	109,5%	134,7
1992	101,0%	101,7%	74,1%	103,9%	126,6
1993	100,3%	101,2%	111,7%	107,0%	111,2
1994	100,6%	100,7%	104,9%	104,2%	102,2
1995	101,4%	99,9%	86,4%	113,1%	94,4
1996	104,0%	100,2%	116,3%	109,7%	108,0
1997		102,2%	75,0%	98,8%	129,4

Ghi chú Các số trên đều so với năm trước. Nếu so với 1990 chỉ số giá chứng khoán sẽ lần lượt là: 90: 100 - 91: 84,5 - 92: 62,6 - 93: 69,9 - 94: 73,3 - 95: 63,3 - 96: 73,6 và 97: 55,2

Qua bảng trên ta thấy nổi bật lên mấy vấn đề:

1. Kinh tế Nhật tăng trưởng chậm hẳn vào thập niên 90, nếu thời kỳ chiến tranh VN là tốc độ thần kỳ + 10%/năm thì thập niên 90 chỉ còn bình quân +1,7% với 2 năm 1993 có 0,3% và 1994 có 0,6%. Đầu năm 1998 là mức tăng trưởng âm.

2. Nhật có mức lạm phát thấp, bình quân trong thập niên 90 chỉ là 1%, chứng tỏ chính phủ Nhật không dùng lạm phát để kích cầu nhằm tăng tốc độ phát triển kinh tế vì khối tiền tệ lưu thông cũng chỉ tăng bình quân có 8%/năm.

3. Thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, nếu thời kỳ 1980 - 1987 thị trường tài chính Nhật lớn hơn của Mỹ thì năm 1998 nó chỉ còn bằng 10% của Mỹ (*). Chỉ số thị giá chứng khoán từ 1988 tới 1997 của Mỹ tăng +647% gấp 6,7 lần chỉ số giá cả (chỉ tăng thêm +95,6%). Trong khi đó chỉ số giá chứng khoán của Nhật năm 1997 lại chỉ còn 55,2% so với năm 1990. Như vậy thị trường tài chính Nhật đã bị thương tổn từ lâu và những bong bóng tài chính đã vỡ khi giá đất của Nhật từ đỉnh cao 10.000 USD/m² tụt xuống còn 2.000 USD/m² (*) hay mất giá 80% (các nước chỉ tụt giá 40% - 50%).

Người Nhật có tinh thần tiết kiệm và lo xa rất cao. Chuẩn bị sinh con đầu lòng cặp vợ chồng trẻ đã lo dành dụm đủ 7 triệu yên gửi tiết kiệm để nuôi con đến khi học xong đại học. Khủng hoảng tiền tệ Đông Á lan đến Nhật, những công ty chứng khoán lớn như Yamachi bị sụp đổ, gây tình trạng công nợ lây lan ảnh hưởng tâm lý, họ càng lo tiết kiệm, ít chi tiêu mua sắm làm cho sức mua giảm sút, hàng hóa tiêu thụ chậm. Các ngân hàng Nhật trước đây cho vay rất dễ dãi ví dụ do nhà đất tăng giá chống mặt nên họ đã cho vay tới 120% giá trị thế chấp bằng nhà đất mà lúc đó vẫn không sao vì khi thu nợ giá tài sản thế chấp đã tăng vượt xa con số 20%. Vì vậy khi giá nhà đất sụt xuống, công nợ bị kẹt khó đòi khiến các ngân hàng bắt đầu co cụm lại cho vay thận trọng hơn.

Chính những đặc điểm vừa nêu trên đã làm cho Nhật khó tìm ra giải pháp để đưa nhanh đất nước hồi phục:

a. Biện pháp dùng quỹ dự trữ của nhà nước bơm thêm tiền cho các ngân hàng cho vay không được các ngân hàng lớn tiếp nhận nồng nhiệt vì ngay với số vốn huy động được họ đã phải cho rất ra thận trọng.

b. Biện pháp giảm thuế có thể chỉ tăng một phần sức mua; một phần thuế thu nhập lại rơi vào tiền gửi tiết kiệm. Số dư tiền gửi tiết kiệm của Nhật tăng từ 418.910 tỷ yên năm 1990 lên 655.000 tỷ yên năm 1997, hay 5.415 tỷ USD, bình quân đầu người dân 43.058 USD (2). Người dân Nhật hiện được phép gửi tiền tiết kiệm ở bất cứ ngân hàng nước ngoài nào và rất thích việc này vì lãi suất tiền gửi ở các ngân hàng Nhật rất thấp có 0,9%/năm 1995,

0,3%/năm 1996 và tháng 10.1997 chỉ còn 0,29%/năm hay 0,024%/tháng (3). Chính sách mua nội địa không tăng là cái khó cho Nhật tăng nhập khẩu để giảm thặng dư cán cân thương mại đối với Mỹ và mở cửa thị trường nội địa cho các nước Đông Á xuất khẩu sang Nhật mau hồi phục kinh tế.

c. Gần đây đồng yên bị xuống giá với mức 146 yên/USD, mức thấp nhất trong vòng 8 năm nay khiến các nước lo ngại. Mỹ vội vã bỏ ngay 6 tỷ USD để can thiệp vì đồng yên xuống giá càng làm cho Mỹ càng bị thâm hụt cán cân thương mại so với Nhật...Tuy chỉ có 6 tỷ USD nhưng tác động lại rõ rệt hơn 20 tỷ USD mà Nhật đã bỏ ra để can thiệp vì việc công khai can thiệp này có tác động rất mạnh đến tâm lý những nhà đầu cơ, và lại đồng yên xuống giá có lợi cho xuất khẩu của Nhật mà thị trường chủ yếu nằm ở Mỹ.

d. Một biện pháp đơn giản mà hay được một nhà kinh tế Mỹ đề nghị là Nhật có thể bơm tiền ra lưu thông gây lạm phát ở mức xấp xỉ 10%. Chỉ cần tăng khối tiền lưu thông tới 20% so với khối tiền lưu thông năm 1997 là 185.980 tỷ yên Nhật có thể lấy 37.196 tỷ yên (214 tỷ USD) giải quyết hậu quả khủng hoảng tài chính, hồi phục kinh tế. Như vậy coi như động viên ngầm tài lực trong dân để



giải quyết khó khăn của đất nước. Lạm phát ở mức đó sẽ kích thích dân Nhật mua sắm vì mua ngày hôm nay rẻ hơn mua sau này. Nhưng ngân hàng trung ương Nhật có dám làm hay không vì như thế là tự đánh mất uy tín theo quan niệm sợ lạm phát nảy sinh từ thập kỷ 70 trên thế giới. Đây là một quan niệm sai lầm không biết dùng tiền tệ để kích thích kinh tế phát triển do IMF sơ cứng trong tư duy chỉ lo giữ lạm phát càng thấp càng tốt. Dẫn chứng là chỉ số giá cả chung trong thập niên 60 và 70 của thế giới là 12 đến 15%, của các nước công nghiệp là 11% nhưng trong thập niên 80 chỉ còn là 4 - 5% và thập niên 90 chỉ còn là 2 - 2,3% ■

(1) *Thống kê tài chính quốc tế của IMF*, quyển số XXXVIII tháng 4.1985, số XLIV tháng 3.1991 và LI tháng 2.1998

(*) Những tài liệu này tôi rút ra trong bài nói chuyện của tiến sĩ Nguyễn Sơn Hà. Xin cảm ơn tiến sĩ.

(2), (3) *Thống kê tài chính quốc tế của IMF* quyển LI, số 2, tháng 2.1998, trang 387

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI LÝ THUYẾT THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG QUẢN TRỊ, KINH DOANH VÀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Giữa năm 1998, hai thạc sĩ Trần Bá Nhân và Đinh Thái Hoàng của khoa thống kê - toán - tin học, Đại học Kinh tế, đã viết xong quyển *Lý thống kê - ứng dụng trong quản trị, kinh doanh và nghiên cứu kinh tế*. Quyển sách dày 303 trang gồm 17 chương (không kể phụ lục) đã trình bày những điều mà Viện kỹ thuật Châu Á (Asian Institute of Technology - AIT) đang đào tạo về thống kê học.

Thống kê là một phương pháp khoa học được ứng dụng trong rất nhiều ngành nhằm thu thập, trình bày, tính toán và phân tích các đối tượng nghiên cứu để dự đoán và đề ra quyết định. Phương pháp thống kê có cơ sở là toán học được công cụ máy tính hỗ trợ nên đã phục vụ đắc lực việc mô tả và suy luận thống kê trong các ngành khoa học, đặc biệt là nghiên cứu kinh tế. Trong quyển sách của hai tác giả Trần Bá Nhân và Đinh Thái Hoàng, phần mô tả thống kê được trình bày trong 3 chương (2, 3 và 4) đã đưa ra một cách tiếp cận khoa học từ việc thu thập, trình bày dữ liệu, các đặc trưng đo độ tập trung và phân tán của tổng thể thống kê. Phần suy luận thống kê chiếm hơn 4/5 quyển sách, đã đưa ra những phương pháp ước lượng đặc trưng của tổng thể, kiểm định giả thiết, phân tích phương sai và tính toán mối liên hệ của các hiện tượng như tương quan, dãy số, chỉ số v.v... Phương pháp chọn mẫu và lý thuyết quyết định cũng đã được nêu lên trong hai chương cuối cùng quyển sách.

Trong thực tiễn, do đối tượng nghiên cứu (tổng thể thống kê) rất phức tạp, lĩnh vực nghiên cứu quá rộng nên kết quả thu thập dữ liệu phải được xử lý một cách khoa học thì người ta mới có kết luận giá trị, mang tính quy luật thống kê. Mọi vi phạm do chủ quan hay khách quan ở các giai đoạn nghiên cứu đều đưa đến con số vô nghĩa, bất lợi khi sử dụng phân tích và rất nguy hiểm khi dự báo hoặc quyết định. Quyển *Lý thuyết thống kê - ứng dụng trong quản trị, kinh doanh và nghiên cứu kinh tế* của hai thạc sĩ Trần Bá Nhân và Đinh Thái Hoàng tuy chưa phải là đầy đủ nhưng đã loại bỏ các sai lầm khách quan khi nghiên cứu thống kê dựa trên nền tảng là toán học. Về phương diện giáo dục, giáo sư tiến sĩ Lê Văn Toàn, Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê VN khi ghé thăm khoa Thống kê - toán - tin học, Đại học Kinh tế cũng đã nói: "Tại Pháp, sinh viên muốn học chuyên ngành thống kê phải học qua 3 năm chuyên toán trước..."

Thống kê là một lĩnh vực vô cùng sâu rộng, thống kê học là một môn học đã được giảng dạy tại tất cả các trường đại học trên thế giới. Chương trình cao học nhiều nơi đã lấy thống kê là môn thi đầu vào, và trong thực tế, nhiều doanh nghiệp đã đưa ra các câu hỏi có nguồn gốc từ "thống kê" để tuyển chọn quản trị viên cho mình. Hy vọng quyển sách của hai thạc sĩ Trần Bá Nhân và Đinh Thái Hoàng sẽ đáp ứng một cách thiết thực nhu cầu nghiên cứu và ứng dụng thống kê trong kinh tế.

PHẠM XUÂN LONG

Phòng tư liệu khoa Thống kê - toán - tin học